ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG CHƠN THÀNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1922/QĐ-UBND	*Chơn Thành, ngày 18 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng, tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (Đợt 02)

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHƠN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/QĐ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường phía tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng;

Căn cứ Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (điều chỉnh) đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường phía tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc uỷ quyền cho Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Công văn số 1757/UBND-KTNS ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 3690/UBND - KTN ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 4490/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 29/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tháng 04 năm 2026;

Căn cứ Báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính thành phố Đồng Nai về tình hình giá thị trường tháng 04 năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 11/KH-TTPTQĐ.CNCT ngày 18/4/2026 của Trung tâm phát triển Qũy đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất dự án Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng, đoạn qua địa bàn phường Chơn Thành (Đối với phần diện tích còn lại chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất);

Trên cơ sở Công văn số 82/TTPTQĐ.CNCT ngày 16/05/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng (đợt 02 - 08 thửa đất, diện tích 24.750,0m²).

Xét kiến nghị của Trưởng phòng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 1246/TTr-PKTHTĐT ngày 18/5/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng, tại phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai (Đợt 2), bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng, tại phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai (Đợt 2) theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Nghị định số 88/NĐ-CP ngày

15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất *(Có phương án kèm theo).*

2. Bảng tổng hợp chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Có Bảng tổng hợp chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi kèm theo).

Điều 3. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành, Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố) phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố) và các cơ quan có liên quan chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Văn phòng HĐND và UBND phường có trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Trang thông tin điện tử của UBND phường.

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- Lãnh đạo Văn phòng, CV: KT, CNTT;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, CV: Nhân.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG CHƠN THÀNH T.P ĐỒNG NAI

Nguyễn Anh Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG CHƠN THÀNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN

BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐƯỜNG PHÍA TÂY QUỐC LỘ 13 KẾT NỐI BÀU BÀNG TẠI PHƯỜNG CHƠN THÀNH, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1922/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 của UBND phường Chơn Thành)

I. Căn cứ pháp lý:

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Nghị quyết số 28/2025/QĐ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường phía tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng;

Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (điều chỉnh) đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng đường phía tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng;

Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành;

Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc uỷ quyền cho Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Công văn số 1757/UBND-KTNS ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Công văn số 3690/UBND - KTN ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Công văn số 4490/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 29/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tháng 04 năm 2026;

Báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính thành phố Đồng Nai về tình hình giá thị trường tháng 04 năm 2026;

Kế hoạch số 11/KH-TTPTQĐ.CNCT ngày 18/4/2026 của Trung tâm phát triển Qũy đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất dự án Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng, đoạn qua địa bàn phường Chơn Thành (Đối với phần diện tích còn lại chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất);

Trên cơ sở Công văn số 82/TTPTQĐ.CNCT ngày 16/05/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng (đợt 02 - 08 thửa đất, diện tích 24.750,0m²).

II. Số Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án: 06 hộ gia đình, cá nhân, gồm **08** thửa đất.

III. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc của đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại:

1. Vị trí: Dự án Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng tại phường Chơn Thành.

2. Tổng diện tích đất: 24.750,0m² đất trồng cây lâu năm (CLN).

3. Địa điểm: Khu đất tọa lạc tại phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.

4. Loại đất: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

5. Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại: Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước (cũ) và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành lập; Bản cam kết số liệu Biên bản kiểm kê hiện trạng của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh ngày 02/4/2026;

Thời điểm tạo lập tài sản trên đất theo Biên bản họp xét duyệt hồ sơ ngày 14/11/2023 và ngày 11/4/2025 của UBND phường Thành Tâm (cũ); Giấy xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi số 13, 14/GXĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND phường Chơn Thành; Giấy xác nhận hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ ổn định đời sống; Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm số 354, 355/GXN-UBND ngày 13/5/2026, số 331, 338/GXN-UBND ngày 07/11/2025 của UBND phường Chơn Thành; Công văn số 32/CAP-CSKV ngày 12/01/2026 của Công an phường Thủ Dầu Một.

IV. Giá đất tính bồi thường, giá nhà, công trình tính bồi thường, số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội; chính sách hỗ trợ:

1. Đơn giá bồi thường đất: Thực hiện theo Nghị quyết số 28/2025/QĐ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026, đơn giá đất cụ thể:

TT	Hạng mục	Hệ số điều chỉnh giá đất (Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai)			Giá đất (đồng/m²)	
		Phụ lục I.2 (Hệ số điều chỉnh biến động thị trường đối với đất nông nghiệp)	*Phụ lục II (Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch)*	*Phụ lục III (Hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất)*	**Nghị quyết số 28/2025/QĐ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai**	**Cụ thể**
I	**Giá đất trồng cây lâu năm**					
1	Thửa đất xác định theo các tuyến đường đất còn lại					
1.1	*Vị trí 1 - Phạm vi 1*	1,1	1,0	1,0	250.000	275.000
1.2	*Vị trí 1 - Phạm vi 2*	1,1	1,0	1,0	200.000	220.000

2. Khu vực, vị trí, phạm vi, loại đường phố của thửa đất: Thực hiện theo Mảnh trích đo địa chính thửa đất, bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của từng thửa đất do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) phê duyệt và Phiếu xác định khu vực, vị trí, phạm vi thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành thực hiện và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

3. Đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất: Thực hiện theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh

Đồng Nai về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai 2024; khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai: "*Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 109 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15 khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và được bồi thường bằng tiền thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, với mức hỗ trợ bằng* ***1,5 lần*** *giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương quy định tại Điều 176 Luật số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15*" và khoản 7 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai: "*...Trường hợp phần diện tích còn lại của dự án chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đang áp dụng cho dự án thấp hơn mức được quy định tại Điều 13 của Quyết định này thì được thực hiện theo Điều 13 của Quyết định này...*".

- Số hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại phường Chơn Thành: **05** hộ gia đình, cá nhân gồm **05** thửa đất, trong đó:

Số hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **05** hộ gia đình, cá nhân gồm **05** thửa đất *(Theo Biên bản xét duyệt ngày 11/4/2025 của UBND phường Thành Tâm (cũ); Giấy xác nhận số 331, 338/GXN-UBND ngày 07/11/2025 và Giấy xác nhận số 354, 355/GXN-UBND ngày 13/5/2026 của UBND phường Chơn Thành).*

- Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú ngoài địa bàn phường Chơn Thành: **01** hộ gia đình, cá nhân gồm **03** thửa đất, trong đó:

Số hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **00** hộ gia đình, cá nhân gồm **00** thửa đất (*Công văn số 447/CV-BHXH ngày 06/5/2026 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Khai).*

**** Số hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ: 05 hộ gia đình, cá nhân gồm 05 thửa đất.***

5. Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề: Không.

6. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 10 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện theo Báo cáo số 30/BC-STC ngày 08/5/2026 của Sở Tài chính thành phố Đồng Nai về tình hình giá thị trường tháng 04 năm 2026. Giá gạo tẻ thường trung bình tháng 04/2026 là: 19.000 đồng/kg *(Nhân khẩu được hỗ trợ số tiền tương đương 30kg gạo/tháng theo giá gạo trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương).*

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 19.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 570.000 đồng/tháng.

**** Số nhân khẩu được hỗ trợ: 02 nhân khẩu.***

7. Khen thưởng: Không.

8. Di chuyển: Không.

V. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và lập hồ sơ dự án theo chính sách quy định của Nhà nước là 12.840.466.778 đồng, trong đó:

a) Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ 12.406.248.095 đồng, trong đó:

- Bồi thường về đất:	6.777.727.000 đồng.
- Bồi thường nhà, công trình:	52.240.000 đồng.
- Bồi thường cây trồng:	701.318.595 đồng.
- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (1,5):	4.873.252.500 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	1.710.000 đồng.
b) Chi phí phục vụ công tác BTHT (3,5%):	*434.218.683 đồng.*

(Kèm theo bảng tổng hợp các phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của từng người có đất thu hồi dự án Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng tại phường Chơn Thành (Đợt 2)).

c) Tái định cư: Do trong đợt này không có thu hồi đất ở nên không có bố trí tái định cư.

VI. Nguồn kinh phí thực hiện dự án: Ngân sách thành phố.

VII. Tiến độ thực hiện phương án: Dự kiến thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng hết quý II năm 2026./.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI

Dự án: Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng (Phường Chơn Thành - Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 của UBND phường Chơn Thành)

STT	Số BB-GTBTHT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Số CCCD/CC	Thông tin thửa đất thu hồi										A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định									Ghi chú
					Địa chỉ thửa đất	BĐ trên GCNQSDĐ		BĐ dự án		Số tờ BĐ (Theo CV số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKĐĐ)		Diện tích đất thu hồi			Đất *(đồng)*	Nhà, công trình *(đồng)*	Cây trồng *(đồng)*	Vật nuôi *(đồng)*	Di chuyển *(đồng)*	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm *(đồng)*	Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp *(đồng)*	Khen thưởng *(đồng)*	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định *(đồng)*	
						Số thửa	Số tờ BĐ	Số thửa	Số tờ BĐ	Số thửa	Số tờ BĐ	Tổng đất thu hồi *(m²)*	Đất ở thu hồi *(m²)*	Đất NN thu hồi *(m²)*										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(24)	(23)	(24)
1	17 - CT/PACT-TQL13-BB	Ông Nguyễn Phi Hùng và bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	074058001359 068166000704	Khu phố Thành Tâm 2	37	46	4	TĐ 612-2023	37	232	2.412,4	0,0	2.412,4	663.410.000	0	81.316.560	0	0	0	0	0	744.726.560	Niêm yết đợt 2 ngày 13/5/2026
2	18- CT/PACT-TQL13-BB	Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Khu phố 5, phường Chơn Thành, TP. Đồng Nai	070178000865	Khu phố Thành Tâm 2	31	53	4	TĐ 610-2023	31	239	3.336,2	0,0	3.336,2	917.455.000	52.240.000	27.984.827	0	0	1.251.075.000	0	0	2.248.754.827	Niêm yết đợt 2 ngày 13/5/2026
3	19 - CT/PACT-TQL13-BB	Ông Nguyễn Phi Hùng và bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	074058001359 068166000704	Khu phố Thành Tâm 2	47	53	7	TĐ 609-2023	47	239	5.659,6	0,0	5.659,6	1.556.390.000	0	190.547.760	0	0	0	0	0	1.746.937.760	Niêm yết đợt 2 ngày 13/5/2026
4	20- CT/PACT-TQL13-BB	Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Phường Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	068166000704	Khu phố Thành Tâm 2	43	46	3	TĐ 609-2023	43	232	3.632,6	0,0	3.632,6	984.208.500	0	121.974.840	0	0	0	0	0	1.106.183.340	Niêm yết đợt 2 ngày 13/5/2026
5	21- CT/PACT-TQL13-BB	Hộ bà Bùi Thị Trinh và ông Nguyễn Văn Nguội	Khu phố Thành Tâm 2, phường Chơn Thành, TP. Đồng Nai	068166000704 074064009919	Khu phố Thành Tâm 2	22	46	10	TĐ 608-2023	22	232	4.688,9	0,0	4.688,9	1.289.447.500	0	129.829.648	0	0	1.758.337.500	0	0	3.177.614.648	Niêm yết đợt 2 ngày 13/5/2026
6	22- CT/PACT-TQL13-BB	Ông Võ Văn Phương	Khu phố Hiếu Cảm, phường Chơn Thành, TP. Đồng Nai	070089006276	Khu phố Thành Tâm 2	19	46	9	TĐ 608-2023	19	232	1.978,8	0,0	1.978,8	544.170.000	0	48.322.680	0	0	742.050.000	0	0	1.334.542.680	Niêm yết đợt 2 ngày 13/5/2026
7	23- CT/PACT-TQL13-BB	Ông Bùi Trung Thành	Khu phố 5, phường Chơn Thành, TP. Đồng Nai	070072000282	Khu phố Thành Tâm 2	23	46	13	TĐ 608-2023	23	232	31,6	0,0	31,6	8.690.000	0	0	0	0	11.850.000	855.000	0	21.395.000	Niêm yết đợt 2 ngày 13/5/2026
8	24- CT/PACT-TQL13-BB	Ông Lê Anh Tuấn	Khu phố 5, phường Chơn Thành, TP. Đồng Nai	074072000958	Khu phố Thành Tâm 2	34	46	5	TĐ 612-2023	34	232	3.009,9	0,0	3.009,9	813.956.000	0	101.342.280	0	0	1.109.940.000	855.000	0	2.026.093.280	Niêm yết đợt 2 ngày 13/5/2026
Tổng						**8**		**8**		**8**		**24.750,0**	**0,0**	**24.750,0**	**6.777.727.000**	**52.240.000**	**701.318.595**	**0**	**0**	**4.873.252.500**	**1.710.000**	**0**	**12.406.248.095**	